

Truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ đầu thế kỷ XX

Trần Văn Trọng¹

¹ Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: tranvantrong9683@gmail.com

Nhận ngày 11 tháng 4 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 5 năm 2017.

Tóm tắt: Truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ hình thành từ cuối thế kỷ XIX, bị đứt quãng một thời gian và phát triển liên mạch vào đầu thế kỷ XX. Truyện ngắn quốc ngữ giai đoạn đầu thế kỷ XX có bước chuyển biến từ truyện dân gian truyền thống đến truyện ngắn hiện đại mang tính nghệ thuật, từ truyện mang cảm hứng đạo lý, giáo huấn đến truyện phản ánh sinh động thực tại đời sống. Truyện ngắn giai đoạn đó có đóng góp không nhỏ vào quá trình hiện đại hóa thể loại nói riêng và hiện đại hóa văn học dân tộc nói chung.

Từ khóa: Văn học quốc ngữ, truyện ngắn quốc ngữ, hiện đại hóa văn học, Nam Bộ.

Abstract: Short stories written in *quốc ngữ* (lit. national language script), or Romanised characters to record the Vietnamese language, in *Nam Bộ*, or Cochinchina, were started late in the 19th, then encountered an interruption and were continuously developed afterwards early in the 20th century. The transformation from traditional folk tales to modern short stories of artistic character, they included works inspired with ethics and preaching and those reflecting vividly the real life. The short stories made no small contributions to the modernisation of the genre in particular and Vietnam's national literature in general.

Keywords: Literature in Romanised script of Vietnamese, short stories in Romanised script of Vietnamese, modernisation of literature, Cochinchina.

1. Đặt vấn đề

Văn học quốc ngữ Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX hình thành và phát triển không liên mạch (có sự đứt quãng trong khoảng hơn một thập kỷ cuối thế kỷ XIX) và phát triển liên mạch từ đầu thế kỷ XX đến những năm đầu thập niên 30 với hàng trăm tác phẩm ở nhiều thể loại khác

nhau (như thơ, kịch, truyện ngắn, tiểu thuyết, ký...). Ở lĩnh vực văn xuôi quốc ngữ, truyện ngắn và tiểu thuyết ra đời sớm hơn cả. Đây là thể loại trung tâm của văn học hiện đại. Sự ra đời của truyện ngắn quốc ngữ nói riêng và văn xuôi quốc ngữ nói chung ở Nam Bộ gắn liền với quá trình phổ biến chữ quốc ngữ và sự ra đời của tờ báo tiếng Việt đầu tiên *Gia Định báo*

(1865). Từ những mẫu tin trên *Gia Định báo* đến những sưu tập viết lại truyện dân gian Việt Nam (như *Chuyện đời xưa*, *Chuyện khôi hài* của Trương Vĩnh Ký), hay từ kho tàng văn học Trung Quốc, (như *Chuyện giải buồn* của Huỳnh Tịnh Của) đến những sáng tác văn học (như *Kiếp phong trần*, *Bất cượng chớ cượng làm chi* của Trương Vĩnh Ký), những mầm mống đầu tiên của “chuyện” quốc ngữ bắt đầu thành hình. Rồi sau đó là tác phẩm *Thầy Larazo Phiền* của Nguyễn Trọng Quản - tiểu thuyết quốc ngữ (Latin) đầu tiên theo hướng hiện đại. Tác phẩm này vì nhiều nguyên nhân mà không được phổ biến rộng rãi, dẫn đến tình trạng văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ hẫng đi một thời gian dài. Đến năm 1901 mới xuất hiện trở lại những “chuyện ngắn” viết bằng chữ quốc ngữ trên tờ *Nông cổ mín đàm* và phát triển liên tục cho tới đầu những năm 1930.

Về cơ bản, truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ hơn ba thập niên đầu thế kỷ XX phát triển liên mạch nhưng không phải là không có những chỉ dấu đề phân kỳ sự phát triển của thể loại. Sở dĩ chúng tôi lấy 1901 là năm bắt đầu của giai đoạn này vì đây là năm ra đời của tờ *Nông cổ mín đàm* (1901-1921) với truyện ngắn được đăng sớm nhất sau gần hai mươi năm gián đoạn, đó là *Truyện mài guom dạy vợ* của Lương Khắc Ninh ở số 19-1901. Còn giữa thập niên 1930, đây là khoảng thời gian đánh dấu cho sự ra đời của Phong trào Thơ mới và báo *Phong hóa* (1932-1936) gắn với Nhóm Tự lực văn đoàn, cũng là thời điểm đỉnh bản của tờ *Phụ nữ tân văn* (1929-1935) - mốc đánh dấu cho nền văn học Việt Nam chính thức chuyển sang hiện đại. Đối với văn học Nam Bộ, đây cũng là thời điểm mà rất nhiều cây bút tiêu biểu (như Đạm Phương

nữ sử, Huỳnh Thị Bảo Hòa, Bửu Đình, Trần Quang Nghiệp, Sơn Vương, Cẩm Tâm, Hoàng Minh Tự...) ngừng bút. Trong giai đoạn thứ hai, căn cứ vào sự xuất hiện của các tập/ tuyển tập truyện ngắn được xuất bản dưới dạng sách đầu tiên² (như *Ngôi hàng cặp sách*, *Tôi kén vợ*, *Mê nhau hết sức* của Lê Mai, *Mẹ ơi! Con muốn lấy chồng* của Trương Minh Y do Lê Mai ấn quán xuất bản ở Sài Gòn năm 1924 - đánh dấu cho bước phát triển mới của thể loại truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ), chúng tôi tạm chia thành hai chặng nhỏ: từ 1901 đến đầu thập niên 1920; từ giữa thập niên 1920 đến giữa thập niên 1930.

2. Giai đoạn “tái xuất hiện” (từ 1901 đến đầu thập niên 1920)

Khảo sát báo chí đầu thế kỷ XX, chúng tôi nhận thấy, báo chí là nơi khởi nguồn và là mảnh đất màu mỡ cho truyện ngắn phát triển. Dường như do đặc trưng thể loại là “ngắn và linh hoạt” nên truyện ngắn thể hiện sự nhanh nhạy và tỏ ra hữu dụng khi các nhà văn muốn phản ánh cuộc sống một cách mau lẹ, kịp thời và “nóng hổi”. Đó là lý do vì sao các truyện ngắn trên báo chí thời kỳ này có dung lượng chỉ khoảng vài trăm chữ đến vài nghìn chữ, chiếm từ nửa cột đến một, hai cột báo trong một đến vài ba số báo. *Nông cổ mín đàm* là tờ báo đầu tiên xuất hiện các “chuyện ngắn” như *Truyện mài guom dạy vợ* (số 19-1901), *Tự tác nghiệp bất khả huật* (số 22-1902), *Nghĩa phụ khả phong* (số 25-1902), *Nhân khí tân văn* (số 31-1902), *Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhơn* (số 44, 46, 48-1902), *Chuyện Hồng Ngọc* (số 51, 53-1902), *Chuyện hai anh lái buôn* (số 56-1902),

Chuyện bốn anh điếc (số 59-1902), *Chánh khí bất hủy tà mị* (số 61-1902), *Kiến ngãi bất vi bi thể sự hề* (số 66, 67, 69-1902), *Chuyện mướn đầy tớ* (số 72-1903), *Chuyện một đứa đầy tớ có nghĩa* (số 75-1903), *Chuyện hai anh khùng* (số 78-1903), *Chuyện anh hà tiện* (số 80-1903), *Chuyện khôi hài* (số 110-1903)... Trên các tờ báo khác (như *Lục tỉnh tân văn*, *Nam Kỳ địa phận*...) cũng xuất hiện những mẫu chuyện dân gian, những mẫu thoại ngắn, những tiểu phẩm, những lời nói vặt (dưới tên gọi “tiểu thuyết” trên *Lục tỉnh tân văn*, “truyện giải buồn” trên *Nam Kỳ địa phận*). Đây là con đường hình thành và vận động đi đến hoàn thiện thể loại truyện ngắn quốc ngữ giai đoạn tiếp theo.

Đặc điểm thứ nhất của truyện ngắn quốc ngữ ở Nam Bộ chặng đường này là phần lớn truyện ngắn chú ý nhiều đến vấn đề suy thoái đạo đức, chưa tách khỏi ảnh hưởng của truyện dân gian và một số truyện mô phỏng chuyện tiểu lâm, ngụ ngôn, truyện cười mà tiêu biểu là tác phẩm của Lương Khắc Ninh, Nguyễn Chánh Sắt, Trần Khắc Kỷ, Nguyễn Tây Hiên, Nguyễn Công Bình, Lưu Lạc Tiểu, Cung Huỳnh, Bến Gỗ...

Đặc điểm thứ hai trong chặng đầu của quá trình vận động của thể loại thể hiện ở chỗ, các tác phẩm dân tiệm cận trên con đường phản ánh cuộc sống thực tại. Tất nhiên, trong bước khởi đầu của nó, việc phản ánh hiện thực chưa đạt đến độ nhuần nhuyễn, chân thật. Theo một số nhà nghiên cứu, truyện ngắn quốc ngữ giai đoạn này chịu ảnh hưởng của truyện dân gian và truyện truyền kỳ trung đại [7, tr.628-648], vừa chịu ảnh hưởng của truyện dân gian và yếu tố kỳ ảo trong truyền thống, vừa tiếp thu được bút pháp truyện kinh dị phương Tây. Mở đầu cho khuynh hướng này là

những truyện đăng trên báo *Nông cổ mín đàm* của các tác giả Lương Khắc Ninh, Trần Khắc Kỷ, Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hoàng Mưu, Nguyễn Phương Chánh, Trần Phục Lễ... Đây là những mẫu giai thoại, truyện ngắn kiểu ngụ ngôn, truyện cười phê phán, chế nhạo một cách nhẹ nhàng những thói hư tật xấu của người đời, hoặc ca ngợi sự thông minh của người nghèo...

Đầu thế kỷ XX, nền tảng xã hội Việt Nam và đặc biệt ở Nam Bộ về cơ bản đã trở thành xã hội thực dân nửa phong kiến. Trong và sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tiến hành hai lần khai thác thuộc địa, khiến cuộc sống của người dân lâm vào cảnh khốn cùng. Để bù đắp những thiệt hại trong cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới những năm 1929-1933, chính phủ thuộc địa ra sức bóc lột người dân bản xứ bằng các thủ đoạn như hạ lương viên chức, giãn (đuổi/giảm) thợ, đình chỉ sản xuất; điều đó làm cho hàng hóa trong nước bị ngưng trệ, người dân phải tiêu thụ hàng hóa ứ đọng của Pháp. Việc ngân hàng Đông Dương điều tiết lại giấy bạc làm hạ giá hàng hóa nông phẩm sản xuất trong nước đến mức rẻ mạt, đẩy nông dân và công thương nghiệp tới chỗ phá sản, vỡ nợ. Theo thống kê, năm 1929 có 177 nhà buôn phá sản, năm 1933 con số đó lên tới 209 [2, tr.343]. Hàng triệu người lâm vào cảnh cùng đường, bán rẻ ruộng đất cho địa chủ cường hào, hay những ông chủ đồn điền người Pháp. Người thì phải bán sức lao động trong các đồn điền trước kia vốn là đất của mình; kẻ thì lên chôn thị thành, xuống các hầm mỏ kiếm miếng ăn. Thiên tai liên miên, lại thêm nhiều thứ thuế khóa nặng nề khiến cuộc sống của người dân lao động càng thêm khốn cùng. Thiếu số tư sản mại bản giàu lên nhanh chóng, có đời sống xa

hoa. Để thực hiện chính sách ngu dân, chính quyền thực dân khuyến khích lối sống ăn chơi sa đọa, đầu độc nhiều thế hệ thanh niên. Nhà chứa, tiệm hút, sòng bạc mọc lên như nấm, dẫn đến các tệ nạn xã hội, tạo nên một làn sóng băng hoại đạo đức. Trước tiên, cuộc sống của người nông dân bước đầu được tái hiện từ nhiều góc nhìn: từ cảnh đời, thân phận đến lối sống tập tục cũ kỹ, hủ lậu. Cảnh khốn cùng của những con người quanh năm “cui cút làm ăn” trong lũy tre làng ấy hiện ra như một hệ lụy tất yếu của một thể chế xã hội phức tạp và thối nát. Những con người chưa bao giờ là nhân vật chính, là đối tượng quan tâm của văn học trung đại, đến thời kỳ này lại trở thành nhân vật trung tâm, điển hình, gây ấn tượng sâu sắc với độc giả. Các nhà văn Nam Bộ là những người đi tiên phong trong sáng tác văn học quốc ngữ, ngay từ buổi đầu họ đã quan tâm đề cập đến cuộc sống của người nông dân vùng đất Nam Bộ trong buổi giao thời. Năm 1910, trên tuần báo *Nam Kỳ địa phận* đã cho đăng truyện ngắn *Làm ơn bị hại* (số 92) của Martin. Truyện kể về chú Tám là người nông dân hiền lành, tốt bụng có chí vươn lên bằng chính công việc trồng lúa. Truyện đó có đoạn: “Ai dè từ ngày ấy đến nay trời nắng, mạ của anh (anh) nó chết gần phân nửa, anh dọn phát đất cấy, mà trời không thấy mưa, có mưa một ít đám, không đủ thấm đất, nước đâu mà cấy! Cha chả là khó! Bữa nào ra ruộng, anh cũng toan sầu!”.

Hiện thực cuộc sống được các nhà văn không ngừng tái tạo. Khi thực dân Pháp chiếm được lục tỉnh Nam Kỳ, cùng với vấn đề áp đặt bộ máy cai trị, truyền bá văn hóa, văn minh phương Tây thì công việc quan trọng nhất của người Pháp là tìm cách biến những cánh đồng màu mỡ ở xứ này thành

nơi cung cấp của cải (cao su, hồ tiêu, lúa gạo...) cho công cuộc bình định toàn cõi Đông Dương. Ở Nam Bộ lúc này, hình thành nên một tầng lớp hào phú có tiền của, ruộng vườn rộng lớn, nhà lầu, xe hơi. Một bộ phận không nhỏ tầng lớp này muốn “đoạn tuyệt” với những phong tục tập quán của ông cha, đua đòi học theo và muốn hưởng thụ văn minh vật chất của phương Tây. Tuy nhiên điều đáng nói là, họ thực hiện một cách lố lăng, kệch cỡm (hiện tượng này được các nhà văn ghi lại hết sức sinh động). Cũng năm 1910, *Nam Kỳ địa phận* đã cho đăng đoản thiên *Nhà quê hút xì gà uống nước đá* (số 60) của Cung Huỳnh. Truyện viết về “hai anh chàng nhà quê lên tỉnh, vô tào mà hầu kiện việc điền thổ. Họ được kiện, mừng rỡ, rủ nhau ra tiệm com, ăn uống lã xê, rồi mua xì gà hút. Nhưng do không biết cách hút nên họ châm mãi mà không được. Sau đó họ lại nhà hàng bán rượu lẻ, uống một ly rượu nước đá cho mát ruột. Uống xong ly rượu thấy vẫn còn cục đá ở trong ly, họ bèn lén lấy cục đá bỏ vào trong túi vải mang về hòng khoe với mọi người ở nhà, nhưng đến nửa đường thì cục đá tan hết”. Khác với ở miền Bắc, ở Nam Bộ, sự tiếp xúc với văn minh - văn hóa phương Tây từ rất sớm, vì thế nên ngay những năm đầu các nhà văn đã phản ánh những hiện tượng “trưởng giả học làm sang” với một thái độ phê phán. Ví dụ, có nhà văn viết: “VẬY VIỆC VỪA THẤY VỪA LÀM, NHIỀU LẦN SINH TAI HẠI CHO NGƯỜI Ở ĐỜI NÀY, NÊN CHẴNG KHÁ LÀM VIỆC CHỈ MÀ CHẴNG DÒ XÉT KỸ CÀNG; NHÚT LÀ TRONG VIỆC PHÂN HÒN, THÌ HÃY TÌM VẤN VÀ CHỌN LỰA, CHO RÕ CÂN ĐO, MỚI ĐẶT KHỎI TAI HẠI ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SAU MÀ CHỚ” (*Vòi rồng* - *Nam Kỳ địa phận*, số 99-1910). Truyện ngắn *Chủ nhà phong lưu* (1911) kể về việc một người “mỗi năm góp

ước đặng 4, 5 chục ngàn gia lúa, cho nên có ý tập tành sửa hình cho ra vẻ nhà phong lưu, người chủ hộ”. Anh ta muốn một người ở và căn dặn rằng: “Tánh tao là người phong lưu, nho nhã”, “hễ mỗi lúc tao mở miệng ra nói một tiếng chi, mày phải hiểu cho xa mà làm cho đủ việc”. Cuối cùng, anh ta bị người ở sấm sủa quan tài, đồ cúng, rước thầy chùa vào chuẩn bị làm đám ma vì trước đó anh ta than: “Sớm mai giờ tao bọn dạ làm như muốn thổ, nên ăn không đặng”. Theo “ý tứ mà suy” thì người đầy tớ hiểu rằng chủ nhà sắp chết đến nơi nên đã làm những việc cười ra nước mắt.

Ở giai đoạn này, một điểm khác biệt trong truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ so với miền Bắc là mảng truyện Công giáo. Mảng truyện này tập trung chủ yếu trên tờ *Nam Kỳ địa phận* (được lưu hành rộng rãi trong cộng đồng người Thiên Chúa giáo). Tờ báo có xu hướng cởi mở. Phần “đạo lý” và “phong hóa” của *Nam Kỳ địa phận* không bó hẹp trong khuôn khổ giáo lý nhà thờ mà vẫn tuyên truyền cho tam cương ngũ thường của Nho giáo, vẫn cổ động và biểu dương lối sống truyền thống. Điều thú vị ở đây là, việc tuyên truyền và biểu dương lối sống truyền thống được thể hiện qua các câu chuyện nhỏ, qua các mẫu đối thoại ngắn (giống như trong một màn kịch nói, hoặc qua các bài thơ) rất dễ đi vào lòng người, chứ không phải qua những bài xã luận cứng nhắc mang tính thuyết giáo. Chẳng hạn, trong truyện *Tám áng phong* (số 697-1922) của Á Ngộ, hai anh em thằng Xoài, thằng Ôi yêu thương nhau lắm nhưng hễ chơi chung được một lúc là rầy lộn. Để giúp hai anh biết nhường nhịn nhau, bà mẹ mới kiếm một tám áng phong chia phòng ra làm hai, một đứa ở một bên, đồ của đứa nào thì đứa nấy chơi, sắp dọn làm sao mặc ý và

giao hẹn: “Đứa nào ở bên nào thì cứ ở bên nấy, bước chơn qua bên kia, tao đánh chết”. Cuối cùng, chơi một mình buồn chán quá, hai đứa xin mẹ bỏ tám áng phong đi và hứa từ nay hòa thuận, không cãi lộn nữa. Truyện không có lời giáo huấn trực tiếp nào nhưng người đọc vẫn thấy toát lên tính giáo dục một cách nhẹ nhàng, thấm thía.

Về đội ngũ tác giả của văn học quốc ngữ Nam Bộ nói chung và truyện ngắn quốc ngữ nói riêng hai thập niên đầu thế kỷ, tư liệu mất mát, thất lạc, hư hỏng là cản trở rất lớn để các nhà nghiên cứu phục dựng lại diện mạo. Chúng tôi đã cố gắng sưu tầm từ nhiều nguồn, và có thể tạm khái quát đội ngũ tác giả tập trung chủ yếu trên ba tờ báo: *Nông cổ mín đàm*, *Nam Kỳ địa phận* và *Lục tỉnh tân văn*. Trên tờ *Nông cổ mín đàm*³ gồm có các tác giả xuất thân từ Nho học như Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hoàng Mưu, Lương Khắc Ninh, Nguyễn Thiện Kế... Tuy nhiên, những tác giả này viết truyện ngắn chỉ là tay ngang, chủ yếu họ viết tiểu thuyết (như Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hoàng Mưu), làm thơ (Nguyễn Thiện Kế). Tờ *Nông cổ mín đàm* đánh dấu cho sự xuất hiện trở lại của truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ sau khoảng gần hai thập kỷ bị gián đoạn. Tiếp đến là *Nam Kỳ địa phận*; đây là tờ báo Công giáo đầu tiên ở Việt Nam với các tác giả người Công giáo (chắc hẳn họ đều được đào tạo trong các trường Dòng hoặc Nhà chung). Khảo sát trong tác phẩm của họ, chúng tôi nhận thấy cảm hứng đạo lý theo quan niệm Thiên Chúa giáo khá nổi trội. Những cái tên nổi bật có thể kể đến như Công Bình, Bến Gỗ, Lưu Lạc Tiểu, Ngô Hảo Học, Nguyễn Hữu Hậu, Xitêvong Đỗ Chi Lan... Những cây bút trên *Nam Kỳ địa phận* là sự tiếp nối cho thế hệ ký giả - nhà văn người Công giáo cuối thế kỷ XIX như

Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Trọng Quản, nhất là Trương Vĩnh Ký, cả về cảm hứng sáng tác lẫn hình thức thể hiện. Cuối cùng là đội ngũ tác giả trên tờ *Lục tỉnh tân văn* với các cây bút/ bút danh: Toàn, P. Hòa, Huỳnh Công Phụng, Lê Ngọc Vân, Đoàn Khắc Huỳnh, Đỗ Hoài Châu, Nguyễn Văn Nhiều... Truyện ngắn của họ cũng chủ yếu mang cảm hứng đạo lý truyền thống của người Nam Bộ. Dù ở thời kỳ sau, yếu tố hiện thực được các tác giả khai thác (như trong các truyện *Cánh đêm khuya* của Lê Ngọc Vân, *Ai là kẻ bạc tình* của Đỗ Hoài Châu...) nhưng về cơ bản, truyện ngắn trên tờ *Lục tỉnh tân văn* vẫn nằm trong mạch vận động chung của thể loại truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ ở chặng đầu tiên này.

Cho đến nay, giới nghiên cứu văn học quốc ngữ Nam Bộ vẫn chưa có thêm thông tin về tiểu sử cũng như sự nghiệp trước tác của họ. Đây là một thực tế chung không chỉ ở chặng này mà còn ở cả chặng sau nữa. Tiểu sử của nhiều nhà văn vẫn là bí ẩn đối với giới nghiên cứu văn học quốc ngữ. Điều này, theo chúng tôi xuất phát từ hai nguyên nhân: *thứ nhất*, với các nhà nghiên cứu do khó khăn về mặt tư liệu; *thứ hai*, với chính các cây bút sáng tác do tính cách của các nhà văn và văn học Nam Bộ không có hoặc ít có ý thức lưu giữ các sáng tác văn học của mình cho thế hệ sau. Đây cũng chính là nguyên nhân làm cho văn học quốc ngữ Nam Bộ nói chung và truyện ngắn nói riêng trong một thời gian dài không được giới nghiên cứu chính thống quan tâm. Tuy nhiên, chặng đường này là bước chuẩn bị để hình thành nên một đội ngũ đông đảo các nhà văn chuyên viết truyện ngắn ở giai đoạn sau như Bửu Đình, Lê Mai, Hoàng Minh Tự, Cẩm Tâm, Trần Quang Nghiệp, Sơn Vương, Ellen Anh Hoa...

Về mặt hình thức (kết cấu, nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật trần thuật,

ngôn ngữ), truyện ngắn ở chặng đầu này chủ yếu là kế thừa những yếu tố truyền thống, diễn nôm và mô phỏng nên chưa có những cách tân, sáng tạo gì đặc biệt. Ở chặng đầu này, khái niệm truyện ngắn vẫn chưa được các nhà văn hình dung theo nghĩa hiện đại mà vẫn dùng thuật ngữ “đoản thiên tiểu thuyết” để chỉ thể loại.

3. Giai đoạn phát triển và hòa nhập (từ giữa thập niên 1920 đến giữa thập niên 1930)

Như trên đã trình bày, về chặng thứ hai của giai đoạn này, chúng tôi lấy thời điểm giữa những năm 1920 làm mốc đánh dấu bởi sự xuất hiện của những tập hoặc tuyển tập truyện ngắn được xuất bản dưới dạng sách. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong bước đường phát triển của thể loại truyện ngắn quốc ngữ ở Nam Bộ vì kể từ đây thể loại truyện ngắn chính thức tham gia thị trường văn học, một trong những yếu tố căn bản thúc đẩy quá trình chuyên nghiệp hóa văn chương ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Nếu so với thể loại tiểu thuyết ở phương diện này, truyện ngắn đi sau gần 15 năm. Hai thiên tiểu thuyết nổi tiếng của văn học quốc ngữ Nam Bộ - *Hoàng Tố Anh hàm oan* (Nhà in Phát Toán, Sài Gòn) của Trần Thiên Trung và *Phan Yên ngoại sử tiết phụ gian truân* (Nhà in F.H. Schneider, Sài Gòn) của Trương Duy Toàn - đều được xuất bản năm 1910.

Ở chặng này, truyện ngắn quốc ngữ đã bước đầu có sự định hình về thể loại. Nếu ở chặng đường trước, nội dung của truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ thiên về tính chất giáo huấn, mang nặng cảm hứng đạo lý thì ở chặng thứ hai, khuynh hướng này phát

triển song hành với khuynh hướng hiện thực trong cùng một thời gian, cùng một tác giả và nhiều khi trong cùng một tác phẩm. Đây là một nét đặc trưng của truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ so với khu vực miền Bắc. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy số lượng và đặc biệt là chất lượng truyện ngắn đã hơn hẳn thời kỳ đầu. Nguyên nhân của sự biến chuyển này, theo chúng tôi có những lý do sau:

Thứ nhất, ở chặng này nhiều tờ báo đã quan tâm nhiều hơn đến văn học. Ngoài tờ *Nam Kỳ địa phận* (1908-1945), *Lục tỉnh tân văn* (1907-1944), *Công luận báo* (1916-1939)... thì ở giai đoạn này còn xuất hiện các tờ *Đông Pháp thời báo* (1923-1928), *Trung lập báo* (1924-1933), *Thần chung* (1929-1930), *Phụ nữ tân văn* (1929-1935)... Các tác phẩm được đăng tải trên các báo, tạp chí giai đoạn này có thể kể đến *Cay đắng mùi đời* (1923) đăng trên *Đông Pháp thời báo*; *Cha con nghĩa nặng* (1929-1930) của Hồ Biểu Chánh, *Mảnh trăng thu* (1930) của Bửu Đình đăng trên *Phụ nữ tân văn*; *Chung Kỳ Vinh* (1924) của Đạm Phương nữ sử đăng trên *Lục tỉnh tân văn*; *Nhi nữ tạo anh hùng* (1928) của Huỳnh Thị Bảo Hòa, *Phụ nghĩa tào khang* (1928) của Phan Thị Bạch Vân đăng trên *Đông Pháp thời báo*; và gần như tất cả các truyện ngắn của Trần Quang Nghiệp - cây bút truyện ngắn tiêu biểu nhất của Nam Bộ giai đoạn này - đều được đăng tải trên các tờ báo *Đông Pháp thời báo*, *Công luận báo*, *Trung lập báo*, *Thần chung*, *Phụ nữ tân văn* trước khi được xuất bản thành các tuyển tập (Nhà in Đức Lưu Phương và Nhà in Nguyễn Khắc)...

Ngoài ra, trên báo chí giai đoạn này đã xuất hiện các mục chuyên về truyện ngắn được đặt tên là “Đoàn thiên tiểu thuyết” như ở *Lục tỉnh tân văn*, *Công luận báo*,

Đông Pháp thời báo và *Thần chung*. Trên *Phụ nữ tân văn* thì có các mục “Khôi hài”, “Chuyện ngắn”, “Chuyện kỳ dị”, “Hài đàm”, “Ngồi lê đôi mách”, “Đoàn thiên tiểu thuyết”. Trên *Nam Kỳ địa phận* có chuyên mục “Truyện giải buồn”... Khi đánh giá về đóng góp của *Phụ nữ tân văn*, Nguyễn Văn Xuân cho rằng đây là tờ báo “thành công nhất từ trước đến nay ở miền Nam, là cái thành tựu rất cao của những cố gắng của trí thức miền Nam trên con đường hiện đại hóa văn học và báo chí” [8, tr.93].

Một tờ báo nữa có nhiều đóng góp cho sự phát triển của truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ giai đoạn này là tờ *Đông Pháp thời báo* (sau đổi tên là *Thần chung*). Về số lượng các truyện ngắn, chúng tôi đã sưu tầm được 129 tác phẩm trên tờ báo này. Một điều đáng tiếc là do báo bị hư nát quá nhiều (từ năm 1923 đến năm 1926 và những số ở 3 tháng cuối năm 1928 đến khi báo bị đình bản) nên chúng tôi không thể sưu tập thêm được truyện ngắn nào nữa. Về đội ngũ tác giả thì khá phong phú, trong đó nổi bật là các nhà văn như Trần Quang Nghiệp (12 truyện ngắn), T.L (5 truyện ngắn), Đặng Lương Tài (5 truyện ngắn), Huỳnh Thị Bảo Hòa, Phan Thị Bạch Vân (bút danh B.V), Phan Thị Ngọc Sương, Nguyễn Thị Cảnh, Lưu Thị Việt Nga, Cao Thị Phi Yên, Nguyễn Thị Cao, Phụng Sò, Lưu Văn Bá, Lê Hai, Trần Văn Hai... Do tư liệu còn hạn chế và do tên tuổi của nhiều nhà văn Nam Bộ thời kỳ này vẫn ở dạng “trống trơn về tiểu sử” nên chúng tôi chưa thể xác quyết được vấn đề này.

Trong chặng đường phát triển của truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ từ giữa những năm 1920 đến năm 1932, đáng chú ý nhất là nhà văn Trần Quang Nghiệp (1907-1983), người được ví như Nguyễn Công Hoan của

Nam Bộ. So với các truyện ngắn khác trên *Đông Pháp thời báo*, cũng như với các truyện của các tác giả đương thời ở Nam Bộ, truyện ngắn Trần Quang Nghiệp đặc sắc và hấp dẫn hơn. Ông viết văn từ rất sớm, khoảng cuối năm 1927, ở tuổi 20⁴, có tác phẩm đăng trên *Đông Pháp thời báo* năm 1928. Trần Quang Nghiệp có lối viết hấp dẫn, ngôn ngữ ngắn gọn, giọng văn linh hoạt, giàu sức biểu hiện. Tình huống truyện được ông đầu tư xây dựng công phu, kết thúc của truyện kịch tính và đầy bất ngờ, khi thì bi thảm (như trong truyện *Đêm thứ bảy*, *Trời Phật công bình*), lúc lại hài hước (như trong truyện *Lỗi bù lỗi*, *Số bạc mười ngàn*, *Thêm một lá thăm của...*). Truyện ngắn của Trần Quang Nghiệp đã thoát dần lối kể chuyện truyền thống khi xây dựng người kể chuyện ở ngôi thứ nhất xưng “tôi” với hình thức kết cấu lồng ghép “truyện trong truyện” khá hấp dẫn (ví dụ ở truyện *Ông tơ các cô*, *Ai đành phụ nghĩa*, *Hồng Hoa...*). Hơn nữa, cách diễn đạt trong truyện ngắn của ông không còn trúc trắc, câu văn ít tính biến ngẫu, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày nhưng đôi lúc cũng rất “nuột” bằng thứ ngôn ngữ đậm chất Nam Bộ. Có thể nói, Trần Quang Nghiệp đã có đóng góp lớn, tạo nên diện mạo truyện ngắn trên *Đông Pháp thời báo* cũng như truyện ngắn quốc ngữ ở chặng thứ hai này.

Thứ hai, các nhà văn đã có ý thức hơn trong việc giới thiệu những sáng tác văn học của mình đến độc giả. Cùng với những truyện ngắn đăng tải trên báo chí, các nhà văn đã phối hợp với các nhà xuất bản cho ra đời những tập truyện ngắn có chất lượng, chiếm được cảm tình của bạn đọc. Đó là: *Ái tình* (1924), *Ngôi hàng cặp sách* (1924) của Lê Mai, *Người đàn bà nguy hiểm* (1925) của Nguyễn Văn Kiềm, *Duyên phận lỡ làng*

(1925) của Phạm Minh Kiên, *Bí mật phi thường* của Tuấn Anh (1925), *Ai sát mưu?* (1925) của Trương Quang Tiền, *Gái chính chuyên hai chồng* (1926) của Trần Công Giới, *Ai lỗi lầm* (1926) của Tuấn Anh, *Mộng Hoa* (1928) của Nam Đình, các truyện ngắn của Hoàng Minh Tự (*Oan hồn vì tiết giá*, *Nghĩa đen tình đỏ*, *Nợ tình vay trả*, *Ông tơ các cô*, *Trợn đạo chung tình*, *Hai cô tuyệt sắc ở Sài Gòn...*), *Cảm Tâm* (*Ông còm mi*, *Phận bạc má đào*, *Cô hai văn minh*, *Vì một chữ tình*, *Ông chủ bút*, *Bà sui mười ngàn...*), *Sơn Vương* (*Bạc trắng lòng đen*, *Ép dầu ép mỡ*, *Làm ơn được vợ*, *Ăn nằm đã muộn*, *Chén cơm lạt của người thất nghiệp*, *Anh bạc tình...*).

Một điểm đáng lưu ý về đội ngũ của truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ là đầu thập niên 30 của thế kỷ XX, trong khi các cây bút truyện ngắn miền Bắc vẫn tiếp tục cầm bút (Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố...) thì hầu hết các nhà văn Nam Bộ đồng loạt ngừng bút. Các nhà văn Hồ Biểu Chánh (1885-1958), Nguyễn Chánh Sắt (1869-1947), Phú Đức (1901-1970), Tân Dân Tử (1875-1955)... vẫn tiếp tục sáng tác nhưng không có nhiều đóng góp cho tiến trình phát triển văn học như ở giai đoạn trước. Trong số nhà văn ngừng bút có thể kể đến những cái tên khá nổi bật trên văn đàn Nam Bộ như: Lê Hoàng Mưu (1879-1941), Đạm Phương nữ sử (1881-1947), Huỳnh Thị Bảo Hòa (1896-1982), Bửu Đình (1903-1931), Trần Quang Nghiệp (1907-1983), Sơn Vương (1907-1987)...

Như đã biết, văn học Nam Bộ là một nền văn học thị trường nghiêng về tính giải trí và có tính chất bình dân. Đối tượng độc giả Nam Bộ cũng chủ yếu là tầng lớp bình dân. Trong thời điểm sơ khởi và định hình diện mạo của nền văn học quốc ngữ mới, đối

tượng người đọc này tỏ ra hữu ích cho quá trình đổi mới và hội nhập văn học cũng như quá trình hoàn thiện chữ quốc ngữ. Đến đầu thập niên 1930, chữ quốc ngữ đã khá hoàn thiện, công nghệ in ấn, phát hành phát triển vượt bậc, báo chí vẫn giữ vai trò nhất định trong việc phổ biến tác phẩm nhưng không có tính chất quyết định như ở giai đoạn trước, văn học lúc này đòi hỏi sự đổi mới toàn diện theo hướng hiện đại. So với văn học Nam Bộ, văn học miền Bắc sau một thời kỳ “đi sau” đến những năm 20-30 đã phát triển vượt bậc và trở lại vị trí đầu tàu trong nền văn học dân tộc. Đến lúc này, cái mới của các nhà văn Nam Bộ giai đoạn trước không đủ nội lực để thúc đẩy nền văn học vùng đất này thoát thai hảnh khỏi “quá trình quá độ” để chuyển hẳn sang hiện đại. Mặt khác, bản thân đối tượng người đọc bình dân này, lúc đầu là động lực hình thành của nền văn học quốc ngữ, nay lại thành lực cản để thúc đẩy văn học phát triển. Hơn nữa, có một đặc điểm trong tâm lý của các nhà văn Nam Bộ được nhiều nhà nghiên cứu thống nhất chỉ ra là họ sống văn chương nhiều hơn là làm văn học (tức xem văn chương là cái nghiệp của mình), vì một nguyên nhân khách quan nào đó họ có thể ngừng cầm bút “ngay tắp lự”. Đó là tính cách đáng trân trọng của họ nhưng cũng là một điều đáng tiếc đối với công chúng nói riêng và nền văn học quốc ngữ nói chung. Tuy nhiên, có thể khẳng định vai trò của các nhà văn Nam Bộ đối với quá trình phát triển của thể loại truyện ngắn nói riêng và văn học quốc ngữ nói chung đã hoàn thành. Từ đây vai trò của họ đã được chuyển giao cho các nhà văn miền Bắc, đưa văn học Việt Nam phát triển hòa nhập với khu vực và thế giới ở giai đoạn 1932-1945.

4. Kết luận

Có thể khẳng định, truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ cùng với truyện ngắn miền Bắc đã trở thành một trong những “nhân vật chính” của đời sống văn học Việt Nam hơn ba thập niên đầu thế kỷ XX. Trên hành trình đi tới hiện đại, truyện ngắn giai đoạn này đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh kép của mình: vừa tận dụng được thế mạnh của thể loại ngắn, nhanh, dễ in báo để phát huy vai trò của mình trong việc thực hiện các chức năng văn học như giáo dục, thẩm mỹ, giải trí, lại vừa cấp cho sự phát triển của thể loại truyện ngắn ở giai đoạn sau những tiền đề quan trọng trên cả hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật. Thành tựu của văn học nói chung và truyện ngắn nói riêng giai đoạn 1932-1945 là minh chứng rõ nhất cho những đóng góp của truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ giai đoạn này.

Chú thích

² Theo tư liệu chúng tôi sưu tầm được tính đến thời điểm này, đây là những truyện ngắn/đoạn thiên tiểu thuyết được xuất bản thành sách đầu tiên ở Nam Bộ. So sánh với miền Bắc, chúng tôi cũng nhận thấy: đầu những năm 1920 cũng là thời điểm một số tập truyện ngắn được xuất bản như: *Vì nghĩa quên tình* (Nhà in Vĩnh Thành, Hà Nội) của Nguyễn Mạnh Bổng xuất bản năm 1921, *Bức tranh lòng son* (Nhà in Thực nghiệp, Hà Nội) của Nguyễn Can Mộng năm 1922, *Chuyện thế gian* (2 tập, Tân Đà thư điểm xuất bản, Hà Nội) cũng năm 1922 và *Kiếp hồng nhan* (Tân Đà thư điểm xuất bản, Hà Nội) của Nguyễn Công Hoan năm 1923...

³ *Nông cổ mín đàm* tồn tại 21 năm nhưng đến nay

mới chỉ sưu tầm được từ số 1-1901 đến số 150-1904, tức là những số còn lại trong 17 năm vẫn chưa được giới nghiên cứu tiếp cận. Nếu sưu tầm đầy đủ các số trong 21 năm tồn tại của tờ báo này, đội ngũ tác giả chắc chắn sẽ không dừng lại ở con số ít ỏi như vậy.

⁴ Đây cũng là độ tuổi bắt đầu cầm bút của nhiều nhà văn Nam Bộ giai đoạn này như: Bửu Đình sinh năm 1903, truyện ngắn đăng báo đầu tiên *Bạn hiền khó kiếm* (*Đông Pháp thời báo*) năm 1923; Sơn Vương sinh năm 1909, những tác phẩm đầu tiên xuất bản năm 1930 ở Nhà in Đức Lưu Phương...

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Kim Anh (Chủ biên) (2004), *Tiểu thuyết quốc ngữ Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX*, Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [2] Nhiều tác giả (2000), *Văn học Việt Nam* (1900-1945), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Nhiều tác giả (2006), *Văn học quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỷ XIX - 1945*, Nxb Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
- [4] Võ Văn Nhơn, Nguyễn Thị Phương Thúy (2016), *Văn chương phương Nam (một vài bố cục)*, Nxb Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
- [5] Trần Văn Trọng (2013), *Trần Quang Nghiệp - Cây bút truyện ngắn xuất sắc Nam Bộ đầu thế kỷ XX*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [6] Trần Văn Trọng (2015), *Luận án Tiến sĩ văn học: Truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX*, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7] Viện Văn học (2001), *Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Văn Xuân (1969), *Khi người lưu dân trở lại*, Thời mới xuất bản, Sài Gòn.